

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0650 3768 780

Fax: 0650 3766 149

E-mail: hcons.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TRÀ XANH VỊ MƠ XANH “QUÁ THẦN KỲ”**

2. Thành phần: Nước, đường HFCS, lá trà xanh (0,35 %), chất điều chỉnh độ acid (330, 296, 331(iii)), dịch trà xanh cô đặc, hương liệu (trà xanh, chanh) giống tự nhiên, muối, chất chống oxy hóa (300), chất tạo ngọt tổng hợp (955).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem phía trên đỉnh hộp (năm/ tháng/ ngày).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:
 - + Đóng hộp với thể tích thực ở 20 °C: 250 ml hay theo nhu cầu của thị trường.
 - + Đóng thùng với thể tích thực ở 20 °C: 6 L (24 hộp x 250 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.
- Chất liệu bao bì: Tetra pak. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên: ZHANGZHOU TON YI INDUSTRIAL CO., LTD

Địa chỉ: No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China.

Xuất xứ: Trung Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: 20-NGK/TBCBD/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu) 梁永坤



DAI, ZHILIN

0202346
CÔNG TY
TNHH
TRIBECO
BÌNH DƯƠNG

HỒ SƠ

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	TRÀ XANH VỊ MƠ XANH “QUẢ THẦN KỲ”	Số: 20-NGK/TBCBD/2025
------------------------------------	--------------------------------------	-----------------------

BẢN TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch lỏng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	11 – 17	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	2,8 – 4,3	
3	Đường tổng số	g/100 ml	2,7 – 4,0	
4	Chất đạm	g/100 ml	≤ 0,5	
5	Chất béo	g/100 ml	≤ 0,5	
6	Natri	mg/100 ml	≤ 35	



3. Các chỉ tiêu an toàn:

Theo quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn. 



NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

TRÀ XANH VỊ MƠ XANH “QUÁ THẦN KỲ”

Thành phần: Nước, đường HFCS, lá trà xanh (0,35 %), chất điều chỉnh độ acid (330, 296, 331(iii)), dịch trà xanh cô đặc, hương liệu (trà xanh, chanh) giống tự nhiên, muối, chất chống oxy hóa (300), chất tạo ngọt tổng hợp (955).

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml:

Năng lượng: 14 kcal

Carbohydrat: 3,6 g

Đường tổng số: 3,4 g

Natri: ≤ 35 mg

Thể tích thực ở 20 °C: 250 ml

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem phía trên đỉnh hộp (năm/tháng/ngày).

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh. Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay. Nếu thấy có cặn lắng, là thành phần trà, vui lòng lắc đều trước khi uống.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhà sản xuất: ZhangZhou Ton Yi Industrial Co., Ltd

Địa chỉ: No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China.

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu và phân phối, chịu trách nhiệm hàng hóa: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương
Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Điện thoại: 0650 3768 780 - Fax: 0650 3766 149

Thông tin cảnh báo: Nếu thấy bao bì bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.

Tự công bố số: 20-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

Handwritten signature

TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-194754

Revision: 00

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường An Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Report Issued: 02-Aug-2025

MNAQ Reference: 25-194754

Sample(s) Received: 17-Jul-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu MNAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 18-Jul-2025 to 02-Aug-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: TRÀ XANH VỊ MƠ XANH “QUÁ THẦN KỲ”

Lab ID: 25-194754-1

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in box/ Mẫu đựng trong hộp

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Tổng số vi sinh vật hiếu khí/ Total aerobic plate count	<1	cfu/mL	AOAC 990.12
Clostridium Perfringens	<1	cfu/mL	ISO 15213-2:2023
Coliforms	<1	cfu/mL	ISO 4832:2006 (TCVN 6848:2007)
E.coli	<1	cfu/mL	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008)
Streptococci faecal	<1	cfu/mL	FLAB-FM-MTHD-059:2024 (Ref. ISO 7899-2: 2000)
Pseudomonas aeruginosa	<1	cfu/mL	FLAB-FM-MTHD-060:2024 (Ref. ISO 16266: 2006)
Staphylococcus aureus	<1	cfu/mL	AOAC 975.55
Tổng số Nấm men & nấm mốc/ Total Yeasts and Moulds	<1	cfu/mL	ISO 21527-1:2008 (TCVN 8275-1:2010)
Chất béo/ Total Fat	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.1)	g/100mL	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Chất đạm/ Protein	<LOQ=0.3	g/100mL	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Năng lượng/ Energy	14	kcal/100mL	FLAB-FC-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)/ Carbohydrate (excluding dietary fiber)	3.55	g/100mL	FLAB-FC-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)

Report No./ Số báo cáo: 25-194754

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Đường tổng số/ Total sugars	3.35	g/100mL	FLAB-FC-MTHD-060: 2023 (Ref. TCVN 4594:1988)
Chì/ Lead (Pb)	<LOQ=0.01	mg/L	AOAC 2013.06
Natri/ Sodium (Na)	2.69	mg/100 mL	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)



Remark/ Ghi chú: Nil/ Không



GENERAL DIRECTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIỆP



**酸甜青梅味，
放纵你的味蕾！**

品名：太魔性青梅味绿茶（青梅味茶饮料）
配料：水、果葡糖浆、绿茶茶叶、绿茶浓缩液、柠檬酸、柠檬酸钠、DL-苹果酸、维生素C、食用盐、蔗糖素、食用香精
保质期：12个月
生产日期及制造商代码：标于盒顶
产品标准代号：GB/T 21733
产品类型：果味茶饮料

请置于阴凉干燥无异味处，避免阳光曝晒！
本品不宜冷冻，冷藏后饮用风味更佳。开启后请及时饮用。
若包中有沉淀物，为茶成分，请摇匀后饮用。
如发现胀包，请勿饮用！

营养成分表

项目	每100毫升	营养素参考值%
能量	70千焦	1%
蛋白质	0克	0%
脂肪	0克	0%
碳水化合物	4.0克	1%
钠	25毫克	1%

Sản phẩm của Uni-President
Bảo đảm chất lượng sản phẩm

Uni-President

Trà xanh vị mơ xanh
Quá thần kỳ

Hương vị thanh chua của mơ xanh – Đánh thức vị giác của bạn!

Thức uống trà vị mơ xanh

Thể tích thực: 250 mL

Hương vị thanh chua của mơ xanh – Đánh thức vị giác của bạn!

Tên sản phẩm: Trà xanh vị mơ xanh “Quá thần kỳ”
(Thức uống trà vị mơ xanh)
Thành phần: Nước, đường HFCS, lá trà xanh, dịch trà xanh cô đặc, acid citric, trinitrat citrat, acid malic (DL-), vitamin C, muối ăn, sucralose, hương liệu thực phẩm.
Hạn sử dụng: 12 tháng
Ngày sản xuất và mã nhà sản xuất: xem phía trên đỉnh hộp
Mã tiêu chuẩn sản phẩm: GB/T 21733
Vui lòng bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.
Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay.
Nếu thấy có cặn lắng, là thành phần trà, vui lòng lắc đều trước khi uống.
Nếu thấy bao bì bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.

BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

Hạng mục	Mỗi 100ml	NRV%
Năng lượng	70 kJ	1 %
Protein	0 g	0 %
Chất béo	0 g	0 %
Carbohydrat	4.0 g	1 %
Natri	25 mg	1 %

BẢN DỊCH

南宁统一企业有限公司 制造(代码: NN)
地址: 南宁市东盟经济开发区武华大道29号 邮政编码: 530105
产地: 广西南宁市 食品生产许可证编号: SC10645011200061
广州统一企业有限公司 制造(代码: GZ)
地址: 广州市黄埔区南岗镇康南路788号 邮政编码: 510760
产地: 广东省广州市 食品生产许可证编号: SC10544011200048
委托方: 统一企业(中国)投资有限公司 地址: 上海市长宁区临虹路131号101室 邮政编码: 200335
被委托方1: 漳州统实包装有限公司 制造(代码: ZT)
地址: 福建省漳州台商投资区角美镇杨厝村丁厝239号
邮政编码: 363107 产地: 福建省漳州市 食品生产许可证编号: SC10635060600113
被委托方2: 北京统实饮品有限公司 制造(代码: BJ)
地址: 北京市怀柔区怀柔镇大中富乐工业小区C栋
邮政编码: 101400 产地: 北京市怀柔区 食品生产许可证编号: SC10611160312557
被委托方3: 昆山统实企业有限公司 制造(代码: KS)
地址: 江苏省昆山经济技术开发区青阳南路301号
邮政编码: 215300 产地: 江苏省苏州市 食品生产许可证编号: SC10632058300440
被委托方4: 四川统实企业有限公司 制造(代码: CD)
地址: 四川省成都市温江区成都海峡两岸科技产业开发园蓉台大道北段18号附1号 邮政编码: 611137 产地: 四川省成都市
食品生产许可证编号: SC10651011500027
消费者服务热线: 400 700 0660
料号: 2321782 2020/2020



6 925303 758820

本产品条码注册人为 统一企业(中国)投资有限公司

Nanning President Enterprises Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: NN): Số 29, Đại lộ Vũ Hoa, Khu phát triển kinh tế ASEAN, Thành phố Nam Ninh (No. 29, Wuhua Avenue, ASEAN Economic Development Zone, Nanning City)
Mã bưu chính: 530105
Nơi xuất xứ: Thành phố Nam Ninh, Quảng Tây
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10645011200061

Guangzhou President Enterprises Corp.
Địa chỉ sản xuất (Mã: GZ): Số 788, đường Khang Nam, thị trấn Nam Cương, quận Hoàng Phố, thành phố Quảng Châu (No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City)
Mã bưu chính: 510760
Nơi xuất xứ: Thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10544011200048

Bên ủy thác: Uni-President Enterprises (China) Investment Ltd.
Địa chỉ: Phòng 101, số 131 đường Lâm Hồng, khu Trường Ninh, thành phố Thượng Hải (No.131, Linhong Rd, Shanghai Hongqiao LinKong Economic Zone, Changning District, Shanghai City)
Mã bưu chính: 200335

Bên được ủy thác 1: ZhangZhou Ton Yi Industrial Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: ZT): Số 239 Đình Thố, thôn Dương Thố, thị trấn Giác Mỹ, khu đầu tư Đài Thương Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China)
Mã bưu chính: 363107
Nơi xuất xứ: Thành phố Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10635060600113

Bên được ủy thác 2: Beijing President Enterprises Drinks Co., Ltd. sản xuất (Mã BJ)
Địa chỉ: Tòa nhà C, Tiểu khu công nghiệp Đại Trung Phú Lạc, Thị trấn Hoài Nhu, Quận Hoài Nhu, Thành phố Bắc Kinh (Building C, Dazhongfulu Industrial Zone, Huairou Town, Huairou District, Beijing City)
Mã bưu chính: 101400
Nơi xuất xứ: Quận Hoài Nhu, Thành phố Bắc Kinh
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10611160312557

Bên được ủy thác 3: Kunshan Tongshi Enterprise Co., Ltd. sản xuất (Mã KS)
Địa chỉ: Số 301, đường Thanh Dương Nam, khu phát triển kinh tế kỹ thuật Côn Sơn, tỉnh Giang Tô (No. 301, Qingyang South Road, Kunshan

BẢN DỊCH

Economic and Technological Development Zone,
Jiangsu Province)
Mã bưu chính: 215300
Nơi xuất xứ: Thành phố Tô Châu, tỉnh Giang Tô
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10632058300440

Bên được ủy thác 4: Sichuan Tongshi Enterprise Co.,
Ltd.

Địa chỉ sản xuất (Mã: CD): Số 1/18, đoạn bắc đại lộ
Dung Đài, Khu phát triển công nghiệp khoa học công
nghệ hai bờ eo biển Đài Loan - Thành Đô, quận Ôn
Giang, thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên (No. 18,
North Section of Rongtai Avenue, Taiwan – Chengdu
Cross-Strait Science and Technology Industrial
Development Park, Wenjiang District, Chengdu City,
Sichuan Province

Mã bưu chính: 611137

Nơi xuất xứ: Thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên

Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10651011500027

- Đường dây nóng dịch vụ người tiêu dùng: 4007000660

- Mã liệu: 2321782 2020/2020

Người đăng ký mã vạch sản phẩm này là Uni President
Enterprises (China) Investment Ltd.

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC DAI ZHI LIN

Đã kí và đóng dấu

ĐY
ẤN P
ÔNG C
QUAN
VH-T

ll

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi **Nguyễn Thị Thùy Linh**, Thẻ căn cước công dân/~~Thẻ căn cước/Căn cước~~ điện tử/~~Giấy chứng nhận căn cước~~ hoặc ~~Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có trả trị đi lại~~ quốc tế số: 001190001809 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/8/2022; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ **tiếng Trung sang tiếng Việt**.

Ngày 23 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI DỊCH



Nguyễn Thị Thùy Linh

Ngày 23 tháng 07 năm 2025 (Ngày hai mươi ba, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng công chứng Trần Quang Sang, TP Hà Nội.

Tôi **Nguyễn Văn Thu**, là công chứng viên Văn phòng công chứng Trần Quang Sang, TP Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Ông/bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực 438

; Quyển số 01 – SCT/CKND

Ngày 23 tháng 07 năm 2025

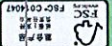
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Văn Thu



CN S238_17_C06095C_S238_28_P7479C_S238_36_C0666C_S238_45_P0107C
S238_57_P04070C_S238_65_P0419C



生产日期
STF
HEF

统一出品 品质保证



魔性
~放纵你的味蕾
青梅味绿茶

太魔性
~放纵你的味蕾
青梅味绿茶

酸甜青梅味，
放纵你的味蕾！

品名：太魔性青梅味茶（青梅味饮料）
配料：水、茶多酚、食品添加剂、糖、柠檬酸、D-异抗坏血酸钠、食用盐、维生素C、食用香精
保质期：12个月
生产日期及制造日期：见罐顶
产品标准代号：GB/T 21733
产品类型：其他饮料
重量：1000g/罐
本品不含防腐剂，不含任何有害物质，开盖后请尽快饮用。
若包中有沉淀物，为茶渣，属正常现象，请搅拌均匀后饮用。
如属质量问题，请即反馈！

营养成分表

项目	每100毫升	营养素参考值%
能量	70千焦	1%
蛋白质	0.0g	0%
脂肪	0.0g	0%
碳水化合物	4.0g	1%
钠	25mg	1%



料 净含量：250毫升

青梅味茶饮料 净含量：250毫升

统一企业有限公司 制造代码：N1
地址：南宁市青秀区开泰路22号 邮政编码：530005
产地：广西南宁市 食品生产许可证编号：SC10645011200161
广州统一企业有限公司 制造代码：C2
地址：广州市黄埔区南岗街18号 邮政编码：510660
产地：广东广州市 食品生产许可证编号：SC1054011200448
统一企业（中国）投资有限公司 地址：上海市长宁区虹桥路1318号101室 邮政编码：200335
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：71
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：81
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：91
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：A1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：B1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：C1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：D1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：E1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：F1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：G1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：H1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：I1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：J1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：K1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：L1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：M1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：N1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：O1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：P1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：Q1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：R1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：S1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：T1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：U1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：V1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：W1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：X1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：Y1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000
统一企业（中国）投资有限公司 制造代码：Z1
地址：深圳市福田区福安路100号 邮政编码：518000



6 925303 758820
本产品经注册人为统一企业（中国）投资有限公司

青梅味茶饮料



DAI, ZHILIN